

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0652005 - Auto CAD căn bản
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Phạm Thanh	Dũng	3555010166	21/12/1993	,00			Nợ HPC
2	Nguyễn Hoàng	Vương	3555010167	25/07/1993	,00			Nợ HPC
3	Trần Hải	Đặng	3555010254	26/12/1993	,00			Nợ HPC
4	Nguyễn Công	Tuấn	3555010307	05/02/1993	,00			Nợ HPC
5	Lê Xuân	Hữu	3652010165	12/12/1994	6,60			
6	Đỗ Công	Bằng	3654010003	01/02/1994	5,50			
7	Vương Hoàng	Thạch	3654010150	17/02/1994	,00			CT
8	Thái Văn	Tú	3655010006	08/05/1994	7,90			
9	Hoàng Văn	Tăng	3655010007	10/03/1993	4,10			
10	Nguyễn Duy Nhất	Tâm	3655010008	01/10/1994	6,50			
11	Trần Huỳnh	Chương	3655010021	05/02/1994	,00			CT
12	Lê Đình	Đại	3655010028	16/06/1994	3,10			
13	Nguyễn Tuấn	Duy	3655010030	18/03/1993	5,70			
14	Võ Văn	Tấn	3655010048	14/12/1994	3,90			
15	Nguyễn Đình	Trường	3655010049	18/09/1994	,00			CT
16	Lê Đình	Hiệp	3655010053	10/07/1994	,00			CT
17	Phạm Nguyễn Công	Danh	3655010054	06/11/1993	,00			CT
18	Trần	Kiệt	3655010060	20/07/1994	5,40			
19	Nguyễn Tuấn	Vũ	3655010063	12/09/1994	5,80			
20	Nguyễn Văn	Triều	3655010069	16/02/1994	6,60			
21	Nguyễn Văn	Hải	3655010071	20/04/1994	6,80			
22	Trần Văn	Hoàng	3655010077	12/10/1994	6,20			
23	Lê Tiến	Thống	3655010078	15/06/1993	4,80			
24	Dương Trọng	Hiền	3655010086	01/06/1994	,00			CT
25	Trương Hoàng	Lâm	3655010088	28/03/1993	5,70			
26	Nguyễn Thành	Lộc	3655010094	10/02/1994	6,50			
27	Huỳnh Tôn	Giang	3655010099	17/11/1993	6,70			
28	Nguyễn Thị Tố	Nhi	3655010101	10/03/1993	,00			CT
29	Nguyễn Đức	Hiệp	3655010104	05/08/1993	4,80			
30	Trần Công	Lập	3655010107	03/09/1993	8,10			
31	Đỗ Nguyễn Hoàng	Tuấn	3655010108	02/11/1994	5,70			
32	Trần Minh	An	3655010122	15/06/1994	,00			CT
33	Nguyễn Huỳnh	Cang	3655010143	17/10/1994	,00			CT
34	Trương Trung	Nghĩa	3655010145	02/01/1994	3,40			
35	Nguyễn	Thê	3655010153	07/05/1994	,00			CT

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Lê Văn	Khanh	3655010312	14/11/1994	3,50			
37	Võ Phước	Hoàn	3655010317	14/09/1993	5,30			
38	Đoàn Minh	Hiếu	3655010320	22/12/1994	5,50			
39	Lê Đình	Huân	3655010337	09/04/1994	5,70			
40	Dương Khải	Văn	3655010339	22/07/1994	3,90			
41	Lê Minh	Trung	3655010346	13/07/1994	6,10			
42	Phạm Minh	Dũng	3655010356	25/08/1994	5,30			
43	Lê Anh	Phi	3655010357	18/06/1994	6,50			
44	Nguyễn Văn	Tài	3655010361	15/03/1994	7,50			
45	Lê Ngọc	Sơn	3655010362	23/05/1993	4,70			
46	Từ Thành	Công	3655010370	13/06/1994	5,60			
47	Nguyễn Văn	Tây	3655010373	07/10/1994	5,40			
48	Trần Trọng	Nhân	3655010375	19/09/1994	7,00			
49	Nguyễn Lữ	Văn	3655010380	28/06/1994	6,00			
50	Nguyễn Văn	Thức	3655010381	08/04/1994	5,10			
51	Trần Tứ Bắc	Trung	3655010388	08/10/1994	3,00			

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)